

Bản án số: 128/2024/DS-PT
Ngày 04 tháng 6 năm 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài

sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Châu và bà Trịnh Ngọc Thúy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2024/TLPT- DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 08 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 143/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương T (Bé), sinh năm 1976; nơi cư trú: số E, tổ B, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang;

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Kim T1, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Kim T1: Ông Giảng Hùng C, sinh năm 1985; địa chỉ: số I K, thị trấn N, Nhà B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: đường T, khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 22/4/2024.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1963; nơi cư trú: số E, tổ B, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang;

Người kháng cáo: bà Lê Thị Kim T1 là bị đơn.

(Tại phiên tòa: Bà T, ông C, ông B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trình bày của nguyên đơn: bà có cho bà **T1** vay số tiền 275.000.000 đồng vào ngày 02/6/2012, lãi suất thỏa thuận 3.5%/tháng, hạn tháng 10/2012 sẽ trả, việc vay tiền có lập biên nhận đề ngày 02/6/2012 do bà viết, bà **T1** xác nhận và ký tên. Bà **T1** trực tiếp nhận tiền tại nhà của bà, mục đích vay là để chi tiêu trong gia đình. Ngày 05/8/2012 bà **T1** có trả cho bà số tiền 80.000.000 đồng tiền gốc. Từ đó cho đến nay bà **T1** không trả thêm tiền gốc cũng không trả lãi. Khi bà **T1** trả tiền do không có lập lại biên nhận mới, nên cả hai thống nhất sửa trực tiếp số tiền ghi trên biên nhận ngày 02/6/2012 thành 195.000.000đ và sửa ngày nhận tiền thành ngày 05/8/2012 (al). Bà đã yêu cầu bà **T1** trả tiền nhiều lần, nhưng bà **T1** cứ hạn nhiều lần nhưng không trả. Nay bà yêu cầu bà **Lê Thị Kim T1** trả cho bà 195.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Trình bày của bị đơn: do là chỗ quen biết nên bà **T1** có vay của bà **T** số tiền 120.000.000 đồng, không nhớ thời gian vay và không nhớ thỏa thuận lãi suất là bao nhiêu. Sau đó bà **T1** có trả cho bà **T** 60.000.000 đồng (không nhớ rõ thời gian trả), khi trả tiền là đưa cho ông **Nguyễn Thanh B** (là chồng bà **T**) tại nhà bà **T**, do chỗ quen biết nên không có yêu cầu bà **T** viết biên nhận. Nay bà **T1** xác định bà còn nợ bà **T** số tiền 60.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền 60.000.000 đồng. Ngoài ra số tiền đã trả bà **T1** xác định không trả số tiền nào khác.

- Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Nguyễn Thanh B** trình bày: ông và bà **T** là vợ chồng, ông không biết bà **T1** là ai. Việc vay tiền giữa bà **T** và bà **T1** ông không biết, nguồn tiền bà **T** cho bà **T1** vay là của vợ chồng ông, tuy nhiên mọi chi tiêu trong gia đình là do bà **T** quyết định ông không có ý kiến đối với số tiền này, đồng ý để bà **T** quyết định. Sau khi sự việc mâu thuẫn xảy ra bà **T** có nói với ông về việc bà **T1** không trả nợ vay, ông xác định không nhận tiền từ bà **T1**.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2024/DS-ST ngày 08 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Phương T** đối với bà **Lê Thị Kim T1**. Buộc bà **Lê Thị Kim T1** có nghĩa vụ trả cho bà **Trần Thị Phương T** (Bé) số tiền vay còn nợ là 195.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tính án phí; tuyên quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/03/2024, bà **Lê Thị Kim T1** kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà **Trần Thị Phương T** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của bà **Lê Thị Kim T1** vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông **C** cho rằng bà **T1** chỉ còn nợ bà **T** 60.000.000đ. Thừa nhận chữ ký và chữ viết tên trên biên nhận do bà **T** xuất trình là của bà **T1** nhưng nội dung có sửa chữa nên bà **T1** không thừa nhận số tiền vay còn lại là 195.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: kháng cáo của bà **T1** được làm trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, qua trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không có chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo của mình; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 08 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà **Lê Thị Kim T1** làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được thụ lý và xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà **Lê Thị Kim T1**, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: các bên thừa nhận giữa bà **T1** và bà **T** có xác lập hợp đồng vay tiền. Hợp đồng giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên là hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực. Bà **T1** cho rằng bà chỉ còn nợ bà **T** 60.000.000đ nhưng bà không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh. Trong khi đó bà **T** xuất trình được biên nhận vay tiền đề ngày 5/8/2012. Tuy nội dung của biên nhận có bị sửa chữa số tiền vay và ngày lập biên nhận bằng hình thức ghi đè nội dung là loại mực màu xanh lên nội dung gốc là loại mực màu đỏ, nhưng bằng mắt thường vẫn có thể nhận biết được nội dung gốc trước khi bị sửa chữa và nội dung sửa phù hợp với trình bày của bà **T**. Bà **T1** thừa nhận chữ ký và chữ viết tên trên biên nhận là của mình nên cấp sơ thẩm áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **T** là có căn cứ. Bà **T1** kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà **T1**, phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà **T1** là người trên 60 tuổi và có yêu cầu được miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà **Lê Thị Kim T1**, giữ y bản án sơ thẩm 25/2024/DS-ST ngày 08 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Phương T** đối với bà **Lê Thị Kim T1**.

Buộc bà **Lê Thị Kim T1** có nghĩa vụ trả cho bà **Trần Thị Phương T** (Bé) số tiền vay còn nợ là *195.000.000đ (một trăm chín mươi lăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà **T1** không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Tòa án nhân dân cấp cao Tp Hồ Chí Minh (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới(1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới (1)
- Chi cục THA-DS huyện Chợ Mới(1);
- Phòng KTNV& THA(1);
- Văn phòng (2);
- Đương sự(1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Vũ

